

Số: 23/2026/CV-A7

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

**1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven**

- Mã chứng khoán: DL1
- Địa chỉ: Lô I3- 6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 028.3736.7187      Fax: 028.3736.7187
- Email: info@a7group.vn      Website: <http://www.a7group.vn>

**2. Nội dung thông tin công bố:**

Công ty công bố thông tin về việc đính chính Báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm 2025 đã công bố thông tin ngày 29/01/2026 như sau:

- Ngày 30/12/2025, Hội đồng quản trị ban hành nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐQT thông qua Hợp đồng nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty cổ phần BOT & BT Đức Long Đắc Nông. Tại Báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2025, Công ty đã ghi nhận giao dịch hoàn tất và thực hiện việc hợp nhất Công ty cổ phần BOT & BT Đức Long Đắc Nông thành công ty con.

- Tuy nhiên, sau khi rà soát, căn cứ theo các điều kiện quy định trong hợp đồng, chuẩn mực kế toán và các quy định có liên quan, Công ty xác định tại thời điểm **31/12/2025**, giao dịch chuyển nhượng này chưa hoàn tất và không được hợp nhất thành công ty con, việc ghi nhận là khoản đầu tư vào công ty con là chưa phù hợp với bản chất giao dịch, cụ thể:

a) Công ty chưa hoàn tất thực hiện các thủ tục pháp lý để sở hữu cổ phần theo quy định.

b) Công ty chưa có quyền chi phối đối với các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty cổ phần BOT & BT Đức Long Đắc Nông, đồng thời điều kiện ghi nhận quyền kiểm soát chưa được đáp ứng tại thời điểm 31/12/2025.

c) Các Bên chưa thực hiện xong các điều khoản thoả thuận trong hợp đồng chuyển nhượng, giao dịch chưa hoàn tất.

- Sau khi rà soát lại toàn bộ hồ sơ và căn cứ chuẩn mực kế toán, Công ty thực hiện đính chính, điều chỉnh lại Báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm 2025 đã công bố thông tin ngày 29/01/2026, cụ thể:

(1) Điều chỉnh chỉ tiêu **“Phải thu ngắn hạn khác”** trong Bảng cân đối kế toán:

Trước khi điều chỉnh

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>			<b>1,977,751,738,786</b>	<b>1,323,608,505,526</b>
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>				
....				
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.8a	<b>75,638,125,316</b>	27,899,567,931

Sau khi điều chỉnh

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>			<b>1,977,751,738,786</b>	<b>1,323,608,505,526</b>
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>				
....				
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.8a	<b>605,138,125,316</b>	27,899,567,931

(2) Điều chỉnh chỉ tiêu **“Đầu tư vào công ty con”** và **“Đầu tư vào công ty liên kết”** trong Bảng cân đối kế toán:

Trước khi điều chỉnh

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>			<b>1,977,751,738,786</b>	<b>1,323,608,505,526</b>
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>				
1. Đầu tư vào công ty con	251		<b>1,267,687,500,000</b>	537,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	201,187,500,000

Sau khi điều chỉnh

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>			<b>1,977,751,738,786</b>	<b>1,323,608,505,526</b>
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>				
1. Đầu tư vào công ty con	251		<b>537,000,000,000</b>	537,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		<b>201,187,500,000</b>	201,187,500,000

(3) Điều chỉnh chỉ tiêu **“Phải trả người bán ngắn hạn”** và **“Phải trả ngắn hạn khác”** trong Bảng cân đối kế toán:



Trước khi điều chỉnh

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
NGUỒN VỐN			1,977,751,738,786	1,323,608,505,526
C. NỢ PHẢI TRẢ				
.....				
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	537,738,973,857	12,485,574,114
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	331,677,692	315,530,992

Sau khi điều chỉnh

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
NGUỒN VỐN			1,977,751,738,786	1,323,608,505,526
C. NỢ PHẢI TRẢ				
.....				
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	8,238,973,857	12,485,574,114
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	529,831,677,692	315,530,992

(4) Điều chỉnh nội dung “Các công ty con” loại bỏ “mục 11” trong Thuyết minh số 06 – Phần I kèm theo như sau:

Trước khi điều chỉnh

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối kỳ (31/12/2025)			Tại ngày đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ hân sở hữu
...	.....	....	...	...	...	...	...	...
11.	Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc Nông	Đầu tư xây dựng công trình giao thông	99.6%	99.6%	99.6%	-	-	-

Sau khi điều chỉnh

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối kỳ (31/12/2025)			Tại ngày đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ hân sở hữu
...	.....	....	...	...	...	...	...	...
11.	Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc Nông	Đầu tư xây dựng công trình giao thông	-	-	-	-	-	-

(5) Điều chỉnh nội dung “Các công ty liên doanh, liên kết” trong Thuyết minh số 06 – Phần I kèm theo như sau:

Trước khi điều chỉnh

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối kỳ (31/12/2025)			Tại ngày đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ hân sở hữu
...	.....	....	...	...	...	...	...	...
1.	Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông	Đầu tư xây dựng công trình giao thông	-	-	-	29%	29%	29%

#### Sau khi điều chỉnh

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối kỳ (31/12/2025)			Tại ngày đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ hân sở hữu
...	.....	....	...	...	...	...	...	...
1.	Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông	Đầu tư xây dựng công trình giao thông	29%	29%	29%	29%	29%	29%

(6) Điều chỉnh nội dung “**Phải thu ngắn hạn khác**” tại **Thuyết minh số 8a – Phần V** như sau:

#### Trước khi điều chỉnh

Chi tiết	31/12/2025	31/12/2024
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>16.080.000.000</b>	<b>7.380.000.000</b>
Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông	16.080.000.000	7.380.000.000
<b>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</b>	<b>59.558.125.316</b>	<b>20.519.567.931</b>
- Phải thu lãi cho vay	17.577.687.954	6.467.024.905
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	4.591.835.618	3.916.506.850
- Các đối tượng khác	37.388.601.744	10.136.036.176
<b>Cộng</b>	<b>75.638.125.316</b>	<b>27.899.567.931</b>

#### Sau khi điều chỉnh

Chi tiết	31/12/2025	31/12/2024
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>545.580.000.000</b>	<b>7.380.000.000</b>
Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông	545.580.000.000	7.380.000.000
<b>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</b>	<b>59.558.125.316</b>	<b>20.519.567.931</b>
- Phải thu lãi cho vay	17.577.687.954	6.467.024.905



Chi tiết	31/12/2025	31/12/2024
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	4.591.835.618	3.916.506.850
- Các đối tượng khác	37.388.601.744	10.136.036.176
<b>Cộng</b>	<b>605.138.125.316</b>	<b>27.899.567.931</b>

(7) Điều chỉnh nội dung tại **Thuyết minh số 15 – Phần V** như sau:

**Trước khi điều chỉnh**

	Số cuối kỳ (31/12/2025)			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>1.267.687.500.000</b>	<b>1.180.802.536.641</b>	<b>87.684.963.359</b>	<b>537.000.000.000</b>	<b>517.216.343.208</b>	<b>19.783.656.792</b>
Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen (1)	80.000.000.000	80.000.000.000	-	80.000.000.000	80.000.000.000	-
Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (2)	202.000.000.000	202.000.000.000		202.000.000.000	202.000.000.000	
Công Ty Mass Noble Investment Limited (3)	255.000.000.000	167.315.036.641	87.684.963.359	255.000.000.000	235.216.343.208	19.783.656.792
Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông (4)	730.687.500.000	730.687.500.000				
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>			-	<b>201.187.500.000</b>	<b>201.187.500.000</b>	-
Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông (4)				201.187.500.000	201.187.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.267.687.500.000</b>	<b>1.180.802.536.641</b>	<b>87.684.963.359</b>	<b>738.187.500.000</b>	<b>718.403.843.208</b>	<b>19.783.656.792</b>

(4) Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400192949 ngày 03 tháng 08 năm 2010 và thay đổi lần thứ 09 ngày 27 tháng 03 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp. Ngành nghề hoạt động chính là Đầu tư xây dựng công trình giao thông. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu

tư 24.900.000 cổ phiếu, tương đương 99,6% vốn điều lệ của Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông (số đầu năm là 7.250.000 cổ phiếu, tương đương 29% vốn điều lệ).

### Sau khi điều chỉnh

	Số cuối kỳ (31/12/2025)			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>537.000.000.000</b>	<b>449.315.036.641</b>	<b>87.684.963.359</b>	<b>537.000.000.000</b>	<b>517.216.343.208</b>	<b>19.783.656.792</b>
Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen (1)	80.000.000.000	80.000.000.000	-	80.000.000.000	80.000.000.000	-
Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (2)	202.000.000.000	202.000.000.000		202.000.000.000	202.000.000.000	
Công Ty Mass Noble Investment Limited (3)	255.000.000.000	167.315.036.641	87.684.963.359	255.000.000.000	235.216.343.208	19.783.656.792
Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông (4)	-	-				
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>201.187.500.000</b>	<b>201.187.500.000</b>	<b>-</b>	<b>201.187.500.000</b>	<b>201.187.500.000</b>	<b>-</b>
Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông (4)	201.187.500.000	201.187.500.000		201.187.500.000	201.187.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>738.187.500.000</b>	<b>650.502.536.641</b>	<b>87.684.963.359</b>	<b>738.187.500.000</b>	<b>718.403.843.208</b>	<b>19.783.656.792</b>

(4) Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400192949 ngày 03 tháng 08 năm 2010 và thay đổi lần thứ 09 ngày 27 tháng 03 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp. Ngành nghề hoạt động chính là Đầu tư xây dựng công trình giao thông. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 7.250.000 cổ phiếu, tương đương 29,0% vốn điều lệ của Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông (số đầu năm là 7.250.000 cổ phiếu, tương đương 29% vốn điều lệ).

(8) Điều chỉnh nội dung tại **Thuyết minh số 16 – Phần V** như sau:

### Trước khi điều chỉnh

Chi tiết	31/12/2025	31/12/2024
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>531.780.858.000</b>	<b>3.863.200.000</b>



Chi tiết	31/12/2025	31/12/2024
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	531.780.858.000	3.863.200.000
<b><i>Phải trả nhà cung cấp khác</i></b>	<b>5.958.115.857</b>	<b>8.622.374.114</b>
- Công ty Cổ Phần VES	4.766.752.799	7.500.000.000
- Các đối tượng khác	1.191.363.058	1.122.374.114
<b>Cộng (*)</b>	<b>537.738.973.857</b>	<b>12.485.574.114</b>

### Sau khi điều chỉnh

Chi tiết	31/12/2025	31/12/2024
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>2.280.858.000</b>	<b>3.863.200.000</b>
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	2.280.858.000	3.863.200.000
<b><i>Phải trả nhà cung cấp khác</i></b>	<b>5.958.115.857</b>	<b>8.622.374.114</b>
- Công ty Cổ Phần VES	4.766.752.799	7.500.000.000
- Các đối tượng khác	1.191.363.058	1.122.374.114
<b>Cộng (*)</b>	<b>8.238.973.857</b>	<b>12.485.574.114</b>

(9) Điều chỉnh nội dung tại **Thuyết minh số 19 – Phần V** như sau:

### Trước khi điều chỉnh

	31/12/2025	31/12/2024
<b><i>Phải trả các tổ chức, cá nhân khác</i></b>		
- Tiền đặt cọc thuê ki ốt, bến bãi, đặt cọc	191.709.000	191.709.000
- BHXH, BHYT, BHTN	41.368.692	27.865.792
- Phải trả khác	98.600.000	95.956.200
<b>Cộng</b>	<b>331.677.692</b>	<b>315.530.992</b>

### Sau khi điều chỉnh

	31/12/2025	31/12/2024
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>529.500.000.000</b>	-
- Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	529.500.000.000	-
<b><i>Phải trả các tổ chức, cá nhân khác</i></b>	<b>331.677.692</b>	<b>315.530.992</b>
- Tiền đặt cọc thuê ki ốt, bến bãi, đặt cọc	191.709.000	191.709.000
- BHXH, BHYT, BHTN	41.368.692	27.865.792

	31/12/2025	31/12/2024
- Phải trả khác	98.600.000	95.956.200
<b>Cộng</b>	<b>529.831.677.692</b>	<b>315.530.992</b>

**Lý do điều chỉnh:** Công ty đánh giá chưa đầy đủ các quy định tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2025, việc điều chỉnh này nhằm phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính.

Nội dung điều chỉnh trên không làm thay đổi các chỉ tiêu khác trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2025 đã công bố ngày 29/01/2026.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 23/03/2026 tại đường dẫn: <https://a7group.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm**

- Báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2025 tự lập.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Đình Trạc**





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, KCN, P. Tăng Nhơn Phú , TpHCM

Tel: 0283 7367187 Fax: 0283 7367187

Mẫu số B01-DN

( Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

## DN- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG)

( Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>TÀI SẢN</b>			<b>1.977.751.738.786</b>	<b>1.323.608.505.526</b>
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>937.255.238.065</b>	<b>472.213.219.537</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>898.880.675</b>	<b>1.456.031.408</b>
1. Tiền	111	V.1	898.880.675	1.456.031.408
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>170.000.000.000</b>	<b>151.020.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	-	55.200.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh(*)	122		-	(4.180.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.3	170.000.000.000	100.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>765.378.564.894</b>	<b>319.039.666.238</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	2.024.521.717	211.634.114.963
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	3.056.871.055	2.970.300.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn khác	135	V.6	155.831.746.806	77.208.383.344
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.8a	605.138.125.316	27.899.567.931
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137	V.9	(672.700.000)	(672.700.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			0
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>645.203.559</b>	<b>645.203.559</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	645.203.559	645.203.559
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>332.588.937</b>	<b>52.318.332</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	147.869.555	52.318.332
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		184.719.382	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.040.496.500.721</b>	<b>851.395.285.989</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>256.674.375.501</b>	<b>2.064.375.501</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.8b	256.674.375.501	2.064.375.501
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>130.911.209.739</b>	<b>81.704.583.187</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>V.11</b>	<b>22.526.082.727</b>	<b>21.582.340.702</b>
- Nguyên giá	222		51.990.948.104	48.208.652.228
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(29.464.865.377)	(26.626.311.526)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>V.12</b>	<b>108.385.127.012</b>	<b>60.122.242.485</b>
- Nguyên giá	228		108.740.276.482	60.441.795.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(355.149.470)	(319.552.515)
			-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.13</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		1.891.892.974	1.891.892.974
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	232		(1.891.892.974)	(1.891.892.974)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>824.656.478</b>	<b>48.843.637.960</b>



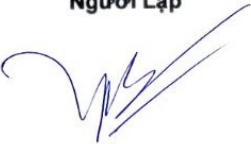
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	824.656.478	48.843.637.960
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.15</b>	<b>650.502.536.641</b>	<b>718.403.843.208</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		537.000.000.000	537.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		201.187.500.000	201.187.500.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn(*)	254		(87.684.963.359)	(19.783.656.792)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.583.722.362</b>	<b>378.846.133</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	1.583.722.362	378.846.133
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.977.751.738.786</b>	<b>1.323.608.505.526</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>			<b>1.977.751.738.786</b>	<b>1.323.608.505.526</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>756.789.824.373</b>	<b>135.745.908.744</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>756.789.824.373</b>	<b>135.745.908.744</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	8.238.973.857	12.485.574.114
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.950.543	23.909.089
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.17	4.083.118.586	3.517.473.786
4. Phải trả người lao động	314		368.979.068	515.804.659
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	1.151.834.423	2.885.457.990
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	529.831.677.692	315.530.992
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	212.488.630.137	115.388.498.047
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		613.660.067	613.660.067
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		0	0
<b>D.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.220.961.914.413</b>	<b>1.187.862.596.782</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>1.220.961.914.413</b>	<b>1.187.862.596.782</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.168.587.310.000	1.062.360.940.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.049.485.820	1.049.485.820
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ(*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		663.498.805	663.498.805
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.661.619.788	123.788.672.157
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		17.562.302.157	100.182.443.890
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		33.099.317.631	23.606.228.267
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0

5900  
CƠ  
CƠ  
TẬP  
LPH  
PH



II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400)	440		1.977.751.738.786	1.323.608.505.526

Người Lập



Hà Thị Phương Oanh

Kế toán Trưởng



Hà Thị Phương oanh

Ngày 23 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Đình Trạc



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN  
Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, KCN, P. Tăng Nhơn Phú, TpHCM  
Tel: 0283 7367187 Fax: 0283 7367187

Mẫu số B02-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ( RIÊNG )  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	5.682.535.949	4.767.085.492	22.340.660.172	19.465.140.396
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		5.682.535.949	4.767.085.492	22.340.660.172	19.465.140.396
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.694.734.283	2.415.034.972	7.701.176.930	7.562.638.259
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		2.987.801.666	2.352.050.520	14.639.483.242	11.902.502.137
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	31.372.350.971	77.183.455.717	94.210.769.785	89.084.710.003
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	48.832.064.347	49.296.507.976	69.879.187.478	71.465.779.986
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.788.204.486	1.717.573.966	6.157.880.911	3.603.189.184
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	149.187.846	174.816.968	570.720.536	595.337.627
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.055.120.436	602.072.549	3.398.745.131	3.857.187.009
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) - (25+26))	30		(15.676.219.992)	29.462.108.744	35.001.599.882	25.068.907.518
11. Thu nhập khác	31	VI.7	-	-	-	36.363.636
12. Chi phí khác	32	VI.8	130.145.584	2.837.382	358.409.397	104.218.415
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		(130.145.584)	(2.837.382)	(358.409.397)	(67.854.779)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		(15.806.365.576)	29.459.271.362	34.643.190.485	25.001.052.739
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.17	320.000.514	(774.022.809)	1.543.872.854	1.394.824.472
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		(16.126.366.090)	30.233.294.171	33.099.317.631	23.606.228.267
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu(*)	71					

Người Lập

Kế toán Trưởng

Ngày 23 tháng 03 năm 2026  
TỔNG GIÁM ĐỐC



Hà Thị Phương Oanh

Hà Thị Phương oanh

Nguyễn Đình Trạc




**DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025


ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.293.190.485	25.001.052.739
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			<b>(31.292.857.682)</b>	<b>(58.055.661.249)</b>
- Khấu hao TSCĐ	02		2.874.150.806	2.887.639.003
- Các khoản dự phòng	03		63.051.306.567	20.283.656.792
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		0	0
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(91.060.434.144)	(84.830.146.228)
- Chi phí lãi vay	06		(6.157.880.911)	3.603.189.184
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(999.667.197)</b>	<b>(33.054.608.510)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(163.268.006.211)	4.557.576.838
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		489.543.675.793	2.079.672.534
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.744.999.681	531.575.577
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		55.200.000.000	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(23.266.108.619)	(50.458.413.661)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(730.589.977)	(237.139.680)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>358.224.303.470</b>	<b>(76.581.336.902)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(240.000.000)	(48.018.981.482)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	36.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(704.951.023.616)	(167.831.144.107)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		246.623.169.491	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(255.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			447.578.934.010
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		89.860.769.785	73.175.291.572
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(368.707.084.340)</b>	<b>49.940.463.629</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				<b>0</b>
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		405.955.659.000	294.048.998.047
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(396.030.028.863)	(267.210.500.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>9.925.630.137</b>	<b>26.838.498.047</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(557.150.733)</b>	<b>197.624.774</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.456.031.408	1.258.406.634
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	V.1	<b>898.880.675</b>	<b>1.456.031.408</b>

Người Lập

Kế toán Trưởng

  
Hà Thị Phương Oanh

  
Hà Thị Phương oanh

Ngày 23 tháng 03 năm 2026  
Tổng Giám Đốc  
  
Nguyễn Đình Trạc

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)**

### **Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven.

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Alpha Seven (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

##### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

- Dịch vụ vận chuyển hành khách;
- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ;
- Sản xuất điện.

##### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Vận tải khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà ở;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ, đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT);
- Sản xuất điện: Chi tiết sản xuất điện gió, điện mặt trời ...;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh.

##### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty: 12 tháng.

##### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (riêng)**

Ngành Giao thông vận tải phụ thuộc việc này tác động rất lớn đến nhu cầu đi lại của người dân làm ảnh hưởng đến công tác vận chuyển hành khách của Công ty. Do đó, doanh thu vận chuyển khách hàng giảm so với cùng kỳ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)**

Quý 4 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**6. Cấu trúc Công ty****Các chi nhánh trực thuộc hạch toán độc lập****Tên chi nhánh****Địa chỉ**

Bến Xe Gia Lai – Chi Nhánh Công Cổ Phần 43 Lý Nam Đế, Phường Hội Phú, Tỉnh Gia Lai

Tập đoàn Alpha seven

**Các Công ty con**

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối kỳ (31/12/2025)			Tại ngày đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ hàn sở hữu
1.	Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất linh kiện điện tử.	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2.	Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận	Đầu tư xây dựng các công trình năng lượng Điện mặt trời – Điện gió; Sản xuất truyền tải điện; Khai thác đá, đất sét; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Lắp đặt máy móc công nghiệp, hệ thống điện.	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%
3.	Mass Noble Investments Limited (công ty trực tiếp)	Thiết kế, sản xuất và kinh doanh thẻ nhớ SD, các mặt hàng tiện nghi gia dụng, chăm sóc cá nhân, các sản phẩm tiết kiệm năng lượng và an ninh gia đình	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%
4.	Ansen Investment Holdings Limited (công ty con gián tiếp)	Đầu tư	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
5.	Shine Profit Development Limited (công ty con gián tiếp)	Thiết kế, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
6.	Greatrich Industrial Limited (công ty con gián tiếp)	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng, đầu tư	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
7.	Profit Metal Limited (công ty con gián tiếp)	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối kỳ (31/12/2025)			Tại ngày đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ hần sở hữu
8.	東莞橋頭益發燈具有限公司(công ty con gián tiếp)	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng, đầu tư	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
9.	東莞利材塑膠製品有限公司(công ty con gián tiếp)	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đóng gói	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
10.	東莞安迅電子有限公司(công ty con gián tiếp)	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
11.	Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông	Đầu tư xây dựng công trình giao thông	-	-	-	-	-	-

**Công ty liên doanh, liên kết**

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối kỳ (31/12/2025)			Tại ngày đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ hần sở hữu
1.	Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông	Đầu tư xây dựng công trình giao thông	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%

**7. Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 Công ty có 31 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 32 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm  
Báo cáo bán niên quý 4 năm 2025 của Công ty từ ngày 01 tháng 01 và ngày 31 tháng 12..

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.



### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (riêng)**

Báo cáo tài chính (riêng) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### **3. Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Chứng khoán kinh doanh***

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ



kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết***

##### ***Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### ***Công ty liên doanh, liên kết***

Công ty liên doanh, liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính

#### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **5. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu gồm các chi phí sau:

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### **6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016

sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 48
Máy móc và thiết bị	10 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4,5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

## 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 – 08 năm.

## 8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý hoặc để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15



## **9. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## **10. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là khoản tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

## **11. Vốn chủ sở hữu**

### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu là số vốn thực góp của các cổ đông

### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đã trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

## **12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ (Dịch vụ bến bãi, vận chuyển, ...)***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

### **14. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính: chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết.

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

### **16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước**

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

### **17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



Đối với hoạt động dự án điện mặt trời trên mái nhà:

- Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp thì Công ty Cổ Phần Tập Đoàn ALPHA SEVEN được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho trường hợp thực hiện dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực: ... sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học. Mức ưu đãi cụ thể như sau:

Áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm (từ năm 2021 đến năm 2035).

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính (riêng) và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
  - Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**19. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với Chính sách Kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG) (ĐVT: VNĐ)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Chi tiết	31/12/2025	31/12/2024
- Tiền mặt	593.096.731	686.257.568
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	305.783.944	769.773.840
<b>Cộng</b>	<b>898.880.675</b>	<b>1.456.031.408</b>

**2. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Cổ phiếu</b>	-	-	-	55.200.000.000	51.020.000.000	(4.180.000.000)
- Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Đức Long Gia Lai	-	-	-	55.200.000.000	51.020.000.000	(4.180.000.000)
<b>Cộng</b>	-	-	-	55.200.000.000	51.020.000.000	(4.180.000.000)

(\*) Là khoản đầu vào Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Đức Long Gia Lai theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 18A/NQ-HĐQT-A7 ngày 23/09/2022.

**3. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

Chi tiết	31/12/2025	31/12/2024
- Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 năm	90.000.000.000	100.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới 1 năm	80.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>170.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)**

Quý 4 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Chi tiết	31/12/2025	31/12/2024
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>120.783.240</b>	<b>-</b>
- Công Ty TNHH Điện Tử DLG Ansen	85.783.237	-
- Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	35.000.003	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>1.903.738.477</b>	<b>211.634.114.963</b>
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Hùng Nhân Gia Lai	1.383.000.000	1.383.000.000
- Ông Nguyễn Đức Toàn	-	210.000.000.000
- Các khách hàng khác	520.738.477	251.114.963
<b>Cộng (*)</b>	<b>2.024.521.717</b>	<b>211.634.114.963</b>

**5. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Chi tiết	31/12/2025	31/12/2024
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Trả trước cho các bên khác</b>	<b>3.056.871.055</b>	<b>2.970.300.000</b>
- Công ty CP Đầu Tư Sơn Tùng	1.260.000.000	1.260.000.000
- Các người bán khác	1.796.871.055	1.710.300.000
<b>Cộng</b>	<b>3.056.871.055</b>	<b>2.970.300.000</b>

**6. Phải thu về cho vay ngắn hạn****. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Chi tiết	31/12/2025	31/12/2024
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</b>	<b>155.831.746.806</b>	<b>77.208.383.344</b>
- Hồ Thị Thu (*)	1.316.917.121	14.545.493.344
- Mai Xuân Bình (*)	120.799.271.683	43.983.190.000
- Trần Thị Quỳnh (*)	17.665.738.000	18.679.700.000
- Vũ Văn Tin (*)	15.200.000.000	-
- Các đối tượng khác	849.820.002	-
<b>Cộng</b>	<b>155.831.746.806</b>	<b>77.208.383.344</b>

(\*) Cho các cá nhân, Công ty mượn tiền theo các hợp đồng cụ thể, thời gian cho mượn 12 tháng

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)**

Quý 4 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**7. Hàng tồn kho**

Chi tiết	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu <sup>(1)</sup>	645.203.559	-	645.203.559	-
<b>Cộng</b>	<b>645.203.559</b>	<b>-</b>	<b>645.203.559</b>	<b>-</b>

(1) Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là tấm pin điện mặt trời.

**8. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác****8a. Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết	31/12/2025	31/12/2024
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>545.580.000.000</b>	<b>7.380.000.000</b>
Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc Nông	545.580.000.000	7.380.000.000
<b>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</b>	<b>59.558.125.316</b>	<b>20.519.567.931</b>
- Phải thu lãi cho vay	17.577.687.954	6.467.024.905
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	4.591.835.618	3.916.506.850
- Các đối tượng khác	37.388.601.744	10.136.036.176
<b>Cộng</b>	<b>605.138.125.316</b>	<b>27.899.567.931</b>

**8b. Phải thu dài hạn khác**

Chi tiết	31/12/2025	31/12/2024
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>2.064.375.501</b>	<b>2.064.375.501</b>
- Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai (ký quỹ)	2.064.375.501	2.064.375.501
<b>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</b>	<b>254.610.000.000</b>	<b>-</b>
- Công Ty TNHH MTV Trường An Tây Nguyên	254.610.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>256.674.375.501</b>	<b>2.064.375.501</b>

Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 001/HĐHTKD-DL1-TATN ngày 03/09/2025

**9. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các bên liên quan</b>		-	-		-	-
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		<b>1.383.000.000</b>	<b>710.300.000</b>		<b>1.383.000.000</b>	<b>710.300.000</b>
Công Ty TNHH MTV TM Hùng Nhân	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.383.000.000	710.300.000	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.383.000.000	710.300.000
		0	0		0	0



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)**

Quý 4 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Cộng

1.383.000.000 710.300.000

1.383.000.000 710.300.000

*Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:*

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(672.700.000)	(672.700.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(672.700.000)	(672.700.000)

**10. Chi phí trả trước ngắn và dài hạn****10a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi tiết:	31/12/2025	31/12/2024
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	147.869.555	52.318.332
Số cuối kỳ	147.869.555	52.318.332

*Tình hình biến động*

	31/12/2025	31/12/2024
- Số đầu năm	52.318.332	56.111.822
- Tăng trong năm	403.102.368	297.035.690
- Phân bổ trong năm	(307.551.145)	(300.829.180)
Số cuối kỳ	147.869.555	52.318.332

**10b Chi phí trả trước dài hạn**

Chi tiết:	31/12/2025	31/12/2024
- Chi phí sửa chữa	1.583.722.362	270.061.726
- Chi phí khác	-	108.784.407
Số cuối kỳ	1.583.722.362	378.846.133

*Tình hình biến động*

	31/12/2025	31/12/2024
- Số đầu năm	378.846.133	906.628.220
- Tăng trong năm	1.717.201.756	61.050.727
- Phân bổ trong năm	(512.325.527)	(588.832.814)
Số cuối kỳ	1.583.722.362	378.846.133

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (riêng)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)**

Quý 4 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**11. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiết tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm (01/01/2025)	24.870.103.899	21.095.269.492	1.971.463.637	271.815.200	48.208.652.228
Tăng trong năm	1.656.630.285	1.816.363.636	-	309.301.355	3.782.295.276
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ (31/12/2025)</b>	<b>26.526.734.184</b>	<b>22.911.633.128</b>	<b>1.971.463.637</b>	<b>581.116.555</b>	<b>51.990.947.504</b>
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	460.783.980	-	3.203.035.064	67.400.000	3.731.219.044
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số đầu năm (01/01/2025)	17.334.333.603	7.048.699.086	1.971.463.637	271.815.200	26.626.311.526
Khấu hao trong năm	1.059.606.392	1.773.927.042	-	5.020.417	2.838.553.851
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ (31/12/2025)</b>	<b>18.393.939.995</b>	<b>8.822.626.128</b>	<b>1.971.463.637</b>	<b>276.835.617</b>	<b>29.464.865.377</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm (01/01/2025)	7.535.770.296	14.046.570.406	-	-	21.582.340.702
Số cuối kỳ (31/12/2025)	8.132.794.189	14.089.007.000	-	304.280.938	22.526.082.127

**12. Tài sản cố định vô hình**

Chi tiết tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình như sau:

	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm (01/01/2025)	441.795.000	60.000.000.000	60.441.795.000
Tăng trong năm	39.500.000	48.258.981.482	48.298.481.482
<b>Số cuối kỳ (31/12/2025)</b>	<b>481.295.000</b>	<b>108.258.981.482</b>	<b>60.740.276.482</b>
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	58.625.000	-	58.625.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu năm (01/01/2025)	319.552.515	-	319.552.515
Khấu hao trong năm	35.596.955	-	35.596.955
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối kỳ (31/12/2025)</b>	<b>355.149.470</b>	<b>-</b>	<b>355.149.470</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (riêng)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)**

Quý 4 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Số đầu năm (01/01/2025)	122.242.485	-	122.242.485
Số cuối kỳ (31/12/2025)	126.145.530	108.258.981.482	108.385.127.012

**13. Bất động sản đầu tư**

Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	Cơ sở hạ tầng (*)	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm (01/01/2025)	1.891.892.974	1.891.892.974
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối kỳ (31/12/2025)	1.891.892.974	1.891.892.974
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số đầu năm (01/01/2025)	1.891.892.974	1.891.892.974
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối kỳ (31/12/2025)	1.891.892.974	1.891.892.974
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm (01/01/2025)	0	0
Số cuối kỳ (31/12/2025)	0	0

(\*) Là các kì ốt bán hàng của Công ty đang cho thuê.

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối kỳ
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>					
Quyền sử dụng đất 97/4 Nguyễn Hữu Cánh **)	48.000.000.000	-	48.000.000.000		0
‘- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tòa nhà Nguyễn Hữu Cánh	843.637.960	240.000.000	258.981.482		824.656.478
<b>Cộng</b>	<b>48.843.637.960</b>	<b>240.000.000</b>	<b>48.258.981.482</b>	<b>-</b>	<b>824.656.478</b>

(\*) Là Quyền sử dụng đất tại số 97/4 Nguyễn Hữu Cánh đang, được mua theo Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ở số 12033 vào ngày 07 tháng 07 năm 2024 giữa Ông Trần Văn Chín, Bà Lê Thị Kiều Thủy với Công ty. Giấy chứng nhận chủ sở hữu nhà và sử dụng đất ở tại số 97/4 đường Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)**

Quý 4 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**15. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ (31/12/2025)			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>537.000.000.000</b>	<b>449.315.036.641</b>	<b>87.684.963.359</b>	<b>537.000.000.000</b>	<b>517.216.343.208</b>	<b>19.783.656.792</b>
Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen (1)	80.000.000.000	80.000.000.000	-	80.000.000.000	80.000.000.000	-
Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (2)	202.000.000.000	202.000.000.000		202.000.000.000	202.000.000.000	
Công Ty Mass Noble Investment Limited (3)	255.000.000.000	167.315.036.641	87.684.963.359	255.000.000.000	235.216.343.208	19.783.656.792
Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc Nông (4)	-	-				
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>201.187.500.000</b>	<b>201.187.500.000</b>	<b>-</b>	<b>201.187.500.000</b>	<b>201.187.500.000</b>	<b>-</b>
Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc Nông (4)	201.187.500.000	201.187.500.000		201.187.500.000	201.187.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>738.187.500.000</b>	<b>650.502.536.641</b>	<b>87.684.963.359</b>	<b>738.187.500.000</b>	<b>718.403.843.208</b>	<b>19.783.656.792</b>

(1) Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 753412041 do Ban Quản lý các Khu Công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh (cấp lần đầu ngày 31/05/2017 và thay đổi lần thứ nhất này 24 tháng 12 năm 2020). Công ty được đăng ký thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315016980 cấp lần đầu vào ngày 27/04/2018, thay đổi lần thứ 03 ngày 01/06/2021. Ngành nghề hoạt động chính là sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất linh kiện điện tử. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 80.000.000.000 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen (số đầu năm là 80.000.000.000 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ).

(2) CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500619268 ngày 30/11/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp. Ngành nghề hoạt động chính là đầu tư xây dựng các công trình năng lượng Điện mặt trời – Điện gió; sản xuất truyền tải điện; khai thác đá, đất sét; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; lắp đặt máy móc công nghiệp, hệ thống điện. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 10.500.000 cổ phiếu, tương đương 50% vốn điều lệ của Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (số đầu năm là 10.500.000 cổ phiếu, tương đương 50% vốn điều lệ).

(3) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 255.000.000.000 đồng tương ứng 97,73% vốn điều lệ Công Ty Mass Noble Investment Limited. Ngành nghề hoạt động chính là Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử, viễn thông công nghệ cao. (số đầu năm là 255.000.000.000 đồng tương ứng 97,73%)

(4) Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc Nông được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400192949 ngày 03 tháng 08 năm 2010 và thay đổi lần thứ 09 ngày 27 tháng 03 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắc Nông cấp. Ngành nghề hoạt động chính là Đầu tư xây dựng công trình giao thông. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 7.250.000 cổ phiếu, tương đương 29,0% vốn điều lệ của Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc Nông (số đầu năm là 7.250.000 cổ phiếu, tương đương 29% vốn điều lệ).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)**

Quý 4 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

Chi tiết	31/12/2025	31/12/2024
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>2.280.858.000</b>	<b>3.863.200.000</b>
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	2.280.858.000	3.863.200.000
<b>Phải trả nhà cung cấp khác</b>	<b>5.958.115.857</b>	<b>8.622.374.114</b>
- Công ty Cổ Phần VES	4.766.752.799	7.500.000.000
- Các đối tượng khác	1.191.363.058	1.122.374.114
<b>Cộng (*)</b>	<b>8.238.973.857</b>	<b>12.485.574.114</b>

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	349.032.082	-	2.083.370.218	(2.328.881.899)	103.520.401	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.403.156.104	-	1.543.872.854	(730.589.977)	3.216.438.981	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	765.285.600	-	454.914.240	(474.099.920)	746.099.920	-
- Phí, lệ phí, phải nộp khác	-	-	21.059.284	(4.000.000)	17.059.284	-
Thuế TNCN	-	-	2.578.080.578	(2.578.080.578)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.517.473.786</b>	<b>-</b>	<b>6.681.297.174</b>	<b>(6.115.652.374)</b>	<b>4.083.118.586</b>	<b>-</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế như sau :

*Hoạt động dự án điện mặt trời trên mái nhà với thuế suất 10%,*

*Hoạt động khác với thuế suất 20%.*

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau :

	31/12/2025	31/12/2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.643.190.485	40.993.804.120
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	358.409.397	573.913.104
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	358.409.394	573.913.104
+ Chi phí khấu hao xe vượt 1,6 tỷ		

	31/12/2025	31/12/2024
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(72.700.000.000)	(73.700.000.000)
+ Cổ tức nhận sau giai đoạn đầu tư	(72.700.000.000)	(73.700.000.000)
- Chuyển lỗ	46.790.005.144	39.106.405.138
+ Cổ tức từ đầu tư vốn	-	-
Thu nhập chịu thuế	9.081.605.026	6.974.122.362
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	9.091.605.026	6.974.122.362
- Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 10%	-	-
- Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 20%	6-	6.974.122.362
- Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 17%	9.091.605.026	
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10% và 17%	10% và 20%
<b>Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>1.543.872.854</b>	<b>1.394.824.472</b>
	-	
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.543.872.854</b>	<b>1.394.824.472</b>

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Là khoản chi phí lãi vay.

**19. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**

*Phải trả ngắn hạn khác*

	31/12/2025	31/12/2024
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>529.500.000.000</b>	-
- Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	529.500.000.000	
<b>Phải trả các tổ chức, cá nhân khác</b>	<b>331.677.692</b>	315.530.992
- Tiền đặt cọc thuê ki ốt, bến bãi, đặt cọc	191.709.000	191.709.000
- BHXH, BHYT, BHTN	41.368.692	27.865.792
- Phải trả khác	98.600.000	95.956.200
<b>Cộng</b>	<b>529.831.677.692</b>	<b>315.530.992</b>

**20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Chi tiết	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>	<b>37.188.630.137</b>	<b>37.188.630.137</b>	<b>15.388.498.047</b>	<b>15.388.498.047</b>
Công ty TNHH Điện Từ DLG Ansen <sup>(1)</sup>	37.188.630.137	37.188.630.137	15.388.498.047	15.388.498.047



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)**

Quý 4 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chi tiết	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>175.300.000.000</b>	<b>725.300.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>
- Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt nam- CN Sài Gòn <sup>(2)</sup>	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
<sup>(3)</sup> Ngân Hàng TMCP Á Châu - ACB CN Ba Tháng Hai -HCM	156.000.000.000	156.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân Hàng TMCP Phát Triển TpHCM- CN Hàng Xanh PGD Bình Thạnh <sup>(4)</sup>	19.300.000.000	19.300.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>212.488.630.137</b>	<b>212.488.630.137</b>	<b>115.388.498.047</b>	<b>115.388.498.047</b>

<sup>(3)</sup> Là khoản vay Ngân Hàng TMCP Á Châu - ACB CN Ba Tháng Hai -HCM theo Hợp đồng số KHO.1438.150925 ngày 19/09/2025; Hợp đồng thế chấp số KHO.BĐDN113.150925 ngày 19/09/2025, giấy nhận nợ ngày 24/09/2025 ;Là khoản vay ngắn hạn 9 tháng , lãi suất 5,9%/năm.

<sup>(4)</sup>Là khoản vay Ngân Hàng Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 01/2025PGPCC/HDTD ngày 26/09/2025; Hợp đồng thế chấp số 0112025PGPCC/HĐBĐ ngày 26/09/2025, giấy nhận nợ ngày 26/09/2025 ;Là khoản vay ngắn hạn 4 tháng , lãi suất 7%/năm Giấy nhận nợ ngày 26/12/2025, thời gian vay 6 tháng , lãi suất 7,9%/ năm; Giấy nhận nợ ngày 30/12/2025, thời gian vay 6 tháng , lãi suất 7,9%/năm

**21. Vốn chủ sở hữu****21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <sup>(*)</sup>	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước (01/01/2024)</b>	<b>1.062.360.940.000</b>	<b>1.049.485.820</b>	<b>663.498.805</b>	<b>100.182.443.890</b>	<b>1.164.256.368.515</b>
Tăng trong năm trước	-	-	-	23.606.228.267	23.606.228.267
Tăng từ kết quả kinh doanh				23.606.228.267	23.606.228.267
Giảm trong năm trước				-	-
<b>Số dư cuối năm trước (31/12/2024)</b>	<b>1.062.360.940.000</b>	<b>1.049.485.820</b>	<b>663.498.805</b>	<b>123.788.672.157</b>	<b>1.187.862.596.782</b>
<b>Số dư đầu năm nay (01/01/2025)</b>	<b>1.062.360.940.000</b>	<b>1.049.485.820</b>	<b>663.498.805</b>	<b>123.788.672.157</b>	<b>1.187.862.596.782</b>
Tăng trong năm nay	106.226.370.000	-	-	33.099.317.631	139.325.687.631
Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	33.099.317.631	33.099.317.631
Giảm trong năm nay	-	-	-	106.226.370.000	106.226.370.000
<b>Số dư cuối kỳ (31/12/2025)</b>	<b>1.168.587.310.000</b>	<b>1.049.485.820</b>	<b>663.498.805</b>	<b>50.661.619.788</b>	<b>1.220.961.914.413</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)**

Quý 4 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**22b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân chia lợi nhuận**

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.062.360.940.000	1.062.360.940.000
+ Vốn góp tăng trong năm	106.226.370.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.168.587.310.000	1.062.360.940.000

**22c. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	106.236.094	106.236.094
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	106.236.094	106.236.094
- Cổ phiếu phổ thông	106.236.094	106.236.094
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu tăng vốn	10.622.637	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	116.858.731	106.236.094
- Cổ phiếu phổ thông	116.858.731	106.236.094
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND/CP.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG) (ĐVT: VNĐ)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chi tiết gồm:	<b>Quý 4-2025</b>	<b>Quý 4-2024</b>
- Doanh thu hoạt động bến bãi	4.371.063.020	3.363.539.669
- Doanh thu hoạt động vận chuyển	72.099.364	81.201.364
- Doanh thu hoạt động điện mặt trời	1.239.373.565	1.322.344.459
<b>Cộng</b>	<b>5.682.535.949</b>	<b>4.767.085.492</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

Chi tiết gồm:	<b>Quý 4-2025</b>	<b>Quý 4-2024</b>
- Giá vốn hoạt động bến bãi	1.916.692.043	1.522.609.104
- Giá vốn hoạt động vận chuyển	103.274.152	133.175.258
- Giá vốn hoạt động điện mặt trời	674.768.088	759.250.610
<b>Cộng</b>	<b>2.694.734.283</b>	<b>2.415.034.972</b>



**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Chi tiết gồm:	Quý 4-2025	Quý 4-2024
- Lãi cho vay	9.139.847.222	2.518.343.469
- Cổ tức nhận được	19.350.000.000	73.700.000.000
- Lãi tiền gửi có, không kỳ hạn	2.882.503.749	965.112.248
<b>Cộng</b>	<b>31.372.350.971</b>	<b>77.183.455.717</b>

**4. Chi phí tài chính**

Chi tiết gồm:	Quý 4-2025	Quý 4-2024
- Lãi vay	3.788.204.486	1.717.573.966
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	45.043.859.861	47.578.934.010
<b>Cộng</b>	<b>48.832.064.347</b>	<b>49.296.507.976</b>

**5. Chi phí bán hàng**

Chi tiết gồm:	Quý 4-2025	Quý 4-2024
- Chi phí nhân công	133.878.846	152.930.768
- Các khoản khác	15.309.000	21.886.200
<b>Cộng</b>	<b>149.187.846</b>	<b>174.816.968</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi tiết gồm:	Quý 4-2025	Quý 4-2024
- Chi phí cho nhân viên	446.654.487	292.250.770
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	153.302.775	154.910.777
- Chi phí trích lập dự phòng khó đòi	-	-
- Các chi phí khác	455.163.174	154.911.002
<b>Cộng</b>	<b>1.055.120.436</b>	<b>602.072.549</b>

**7. Thu nhập khác**

Chi tiết gồm:	Quý 4-2025	Quý 4-2024
- Các thu nhập khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí khác**

Chi tiết gồm:	Quý 4-2025	Quý 4-2024
- Các chi phí khác	130.145.584	2.837.382
<b>Cộng</b>	<b>130.145.584</b>	<b>2.837.382</b>

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Quý 4-2025	Quý 4-2024
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.507.906	87.400.400
- Chi phí nhân công	761.626.363	768.185.428
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	733.468.703	714.285.386
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.488.017.957	1.101.950.669
- Các chi phí bằng tiền khác	839.421.636	520.102.606
<b>Cộng</b>	<b>3.899.042.565</b>	<b>3.191.924.489</b>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Công ty không có khoản nợ tiềm tàng nào sẽ phát sinh tính đến thời điểm phát hành báo cáo này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Thành viên chủ chốt	Mối quan hệ
---------------------	-------------

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

*Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày tại Thuyết minh mục V.5.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (Ban Giám đốc)*

Tiền lương	Chức vụ	Quý 4-2025	Quý 4-2024
- Ông Nguyễn Đình Trạc	Tổng Giám đốc	45.000.000	45.000.000
- Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Giám đốc	33.570.000	33.570.000
- Bà Hà Thị Phương Oanh	Kế toán trưởng	42.000.000	30.000.000
<b>Cộng</b>		<b>120.570.000</b>	<b>108.570.000</b>

Trong năm, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không phát sinh tiền lương và thù lao tại Công ty.



**2b Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

**Các bên liên quan khác với Công ty gồm:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận	Công ty con (Công ty nắm giữ 50% vốn điều lệ)
Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông	Công ty liên kết (Công ty nắm giữ 99,6% vốn điều lệ)
Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	Chung cổ đông lớn
Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen	Công ty con (Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ)
Công Ty CP Đầu Tư Xây Dựng Đức Long Gia Lai	Công ty đầu tư (Công ty nắm giữ 98% vốn điều lệ)
Chi Nhánh Chế Biến Gỗ Đức Long Gia Lai – Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	Chi nhánh trực thuộc Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai
Công Ty Mass Noble Investment Limited	Công ty con (Công ty nắm giữ 97,73% vốn điều lệ)
Ansen Investment Holdings Limited	Công ty con gián tiếp
Shine Profit Development Limited	Công ty con gián tiếp
Greatrich Industrial Limited	Công ty con gián tiếp
Profit Metal Limited	Công ty con gián tiếp
東莞橋頭益發燈具有限公司	Công ty con gián tiếp
東莞利材塑膠製品有限公司	Công ty con gián tiếp
東莞安迅電子有限公司	Công ty con gián tiếp

**Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Quý 4-2025</b>	<b>Quý 4-2024</b>
- Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	Thuê ki ốt	264.000.000	264.000.000
	Thuê mái nhà	60.000.000	60.000.000
	Trả tiền nhận CN vốn góp		242.250.000.000
	Trả tiền thuê tài sản		355.030.000
- Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	Cho thuê xe	13.636.364	13.636.364
- Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen	Thu tiền điện	292.560.237	2.090.691.942
	Đi vay	33.290.000.000	15.388.498.047

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Quý 4-2025	Quý 4-2024
	Lãi vay	883.629.278	
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc Nông	Cổ tức nhận sau giai đoạn đầu tư	8.700.000.000	8.700.000.000
- Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận	Cổ tức nhận sau giai đoạn đầu tư	15.000.000.000	65.000.000.000
Hoạt động khác			

Ghi chú: Các giá trị giao dịch mua bán trên là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**Số dư cuối kỳ các bên liên quan khác**

Số dư cuối kỳ của các bên liên quan khác đã được trình bày tại Thuyết minh mục V.2, V.3, V.4, V.6.

**3. Báo cáo theo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ;
- Dịch vụ vận chuyển hành khách;
- Sản xuất điện.

	Doanh thu dịch vụ bến	Doanh thu dịch vụ vận chuyển	Doanh thu điện mặt trời	Cộng
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.371.063.020	72.099.364	1.239.373.565	5.682.535.949
Giá vốn hàng bán	1.916.692.043	103.274.152	674.768.088	2.694.734.283
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>2.454.370.977</b>	<b>(31.174.788)</b>	<b>564.605.477</b>	<b>2.987.801.666</b>
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.363.539.669	81.201.364	1.322.344.459	4.767.085.492
Giá vốn hàng bán	1.522.609.104	133.175.258	759.250.610	2.415.034.972
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>1.840.930.565</b>	<b>(51.973.894)</b>	<b>563.093.849</b>	<b>2.352.050.520</b>

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)**

Quý 4 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**4. So liệu so sánh**

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt. Riêng Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ số liệu so sánh là 31 tháng 12 năm 2024.

TP. HCM, ngày 23 tháng 06 năm 2026.

**Người lập biểu/Kế toán trưởng**

**HÀ THỊ PHƯƠNG OANH**

**Tổng Giám đốc**



**NGUYỄN ĐÌNH TRẠC**

